

Sách Daniel - Số Một Trăm Mười Tám

Lời cảnh báo tiên tri cho Giê-ru-sa-lem: Một sự mô tả mang tính biểu tượng về các biến cố thời kỳ cuối cùng

Jeff Pippenger
2024-03-05

Bảy năm cảnh cáo từ năm 63 đến năm 70, do người đàn ông đã “đi lên đi xuống khắp các con đường của Giê-ru-sa-lem, công bố những tai họa sẽ đến trên thành” rao giảng, đã được báo trước bằng lời cảnh cáo dành cho Giê-ru-sa-lem trong ba năm rưỡi: trước hết trong chức vụ của Đấng Christ, rồi thêm ba năm rưỡi trong chức vụ của các môn đồ. Các bài viết trước đây đã chỉ ra rằng sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem lẽ ra có thể xảy ra tại thập tự giá, hoặc muộn hơn khi Ê-tiên bị ném đá, nhưng sự nhịn nhục lâu dài của Đức Chúa Trời đã trì hoãn sự phán xét của Ngài trên thành và dân chúng.

Và "hễ ai bị nó rơi trúng, nó sẽ nghiền nát người ấy." Những người đã từ chối Đấng Christ chẳng bao lâu sẽ thấy thành của họ và dân tộc của họ bị hủy diệt. Vinh quang của họ sẽ bị đập vỡ, và tan tác như bụi trước gió. Vậy điều gì đã hủy diệt người Do Thái? Chính là tảng đá mà, nếu họ xây dựng trên đó, thì đã là sự an toàn của họ. Ấy là lòng nhân lành của Đức Chúa Trời bị khinh bỉ, sự công chính bị khước từ, lòng thương xót bị xem thường. Con người tự lập mình chống lại Đức Chúa Trời, và mọi điều lẽ ra đem lại sự cứu rỗi cho họ đều bị biến thành sự hủy diệt của họ. Mọi điều Đức Chúa Trời đã định cho sự sống, đối với họ hóa ra là sự chết. Trong việc người Do Thái đóng đinh Đấng Christ có hàm chứa sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem. Huyết đổ ra trên Gô-gô-tha là sức nặng nhấn chìm họ vào sự diệt vong, cho đời này và đời sau. Cũng sẽ như vậy trong ngày cuối cùng vĩ đại, khi sự phán xét giáng trên những kẻ khước từ ân điển của Đức Chúa Trời. Đấng Christ, hòn đá vấp phạm của họ, bấy giờ sẽ hiện ra với họ như một ngọn núi báo thù. Vinh quang của dung nhan Ngài, vốn là sự sống đối với người công chính, sẽ là lửa thiêu nuốt đối với kẻ ác. Vì tình yêu bị chối bỏ, ân điển bị khinh bỉ, kẻ có tội sẽ bị hủy diệt.

“Bằng nhiều minh họa và những lời cảnh báo lặp đi lặp lại, Chúa Giê-su cho thấy kết cục nào sẽ đến trên dân Do Thái khi họ khước từ Con Đức Chúa Trời. Qua những lời này, Ngài phán với mọi người thuộc mọi thời đại là những kẻ từ chối tiếp nhận Ngài làm Đấng Cứu Chuộc của mình. Mỗi lời cảnh báo đều dành cho họ. Đền thờ bị làm ô uế, người con bất tuân, bọn tá điền gian ác, những người thợ xây khinh miệt — tất cả đều có sự tương ứng trong kinh nghiệm của mọi tội nhân. Nếu không ăn năn, án phạt mà những điều ấy báo trước sẽ đến trên người ấy.”
Nguyễn Ước Thời Đại, 600.

Khoảng thời gian bảy năm trong đó người đàn ông ấy làm chứng cho Giê-ru-sa-lem đã bị chia, vào cuộc vây hãm đầu tiên, thành hai giai đoạn bằng nhau, mỗi giai đoạn một nghìn hai trăm sáu mươi ngày. Bảy năm ấy tượng trưng cho sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem, còn bảy năm chức vụ của Đấng Christ và các môn đồ tượng trưng cho khởi đầu của sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem, và Chúa Giê-su luôn minh họa phân kết bằng phần khởi đầu. Bảy năm ấy cũng được tiêu biểu bởi "bảy lần" giáng trên vương quốc phương bắc, vốn được chia thành hai giai đoạn bằng nhau, mỗi giai đoạn một nghìn

hai trăm sáu mươi năm.

Khi La Mã hiện đại lặp lại lịch sử của La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng giày xéo Giê-ru-sa-lem theo nghĩa đen lẫn nghĩa thiêng liêng, và khi La Mã hiện đại lặp lại hai lịch sử về hai thời kỳ cảnh báo được người ấy đưa ra từ năm 63 đến năm 70, và khi La Mã hiện đại lặp lại lịch sử được biểu trưng bởi hai thời kỳ khi Đấng Christ và các môn đồ đi ra đi vào Giê-ru-sa-lem trong ba năm rưỡi, thì sẽ lộ rõ hai thời kỳ riêng biệt, mặc dù trong những ngày sau rốt, “thời gian không còn nữa.”

Giai đoạn sau cùng trong hai giai đoạn đó là bốn mươi hai tháng mang tính biểu tượng, trong đó Rôma hiện đại tiến hành cuộc bách hại cuối cùng đối với những người trung tín, sau khi vết thương chí tử của nó được chữa lành vào lúc đạo luật Chủ nhật sắp tới được ban hành. Khoảng bốn mươi hai tháng biểu tượng đó là giai đoạn thứ hai trong hai giai đoạn, và là thời kỳ phán xét thi hành của Rôma hiện đại. Giai đoạn đó được đi trước bởi cuộc phán xét điều tra dành cho những người sống trong Cơ Đốc Phục Lâm Laodicea.

Người đàn ông đã đưa ra lời cảnh báo cho Giê-ru-sa-lem theo nghĩa đen đã chết trong cuộc bao vây của Titus. Ông không chết trong cuộc hủy diệt, mà trong cuộc bao vây diễn ra trước cuộc hủy diệt ấy, vì không một Cơ Đốc nhân nào chết trong cuộc hủy diệt Giê-ru-sa-lem.

"Suốt bảy năm, một người đàn ông cứ đi ngược xuôi trên các đường phố Giê-ru-sa-lem, loan báo những tai họa sẽ giáng xuống thành. Ngày cũng như đêm, ông cất lên khúc ai ca rùng rợn: 'Một tiếng từ phương đông! một tiếng từ phương tây! một tiếng từ bốn phương! một tiếng chống lại Giê-ru-sa-lem và chống lại đền thờ! một tiếng chống lại các chú rể và các cô dâu! một tiếng chống lại cả dân chúng!'-Ibid. Con người kỳ lạ này bị bỏ tù và bị đánh đòn, nhưng ông không hề thốt ra lời than phiền nào. Trước sự sỉ nhục và hành hạ, ông chỉ đáp: 'Khốn thay, khốn thay cho Giê-ru-sa-lem!' 'khốn thay, khốn thay cho dân cư của thành ấy!' Tiếng kêu cảnh báo của ông không dứt cho đến khi ông bị giết trong cuộc vây hãm mà ông đã báo trước." The Great Controversy, 29, 30.

Người đàn ông chết trong cuộc vây hãm, nhưng không phải trong sự hủy diệt cuối cùng; và sự hủy diệt cuối cùng tượng trưng cho sự đóng cửa ân điển và bảy tai vạ sau cùng. Vì vậy, người đàn ông ấy là biểu tượng cho sứ điệp kêu gọi rời khỏi Giê-ru-sa-lem trong cuộc vây hãm đầu tiên. Khi đó, các Cơ Đốc nhân đã chạy trốn, và trong ba năm rưỡi đầu tiên, người đàn ông ấy là biểu tượng cho một nhóm không chết tại Giê-ru-sa-lem, còn trong ba năm rưỡi thứ hai, ông là biểu tượng cho những Cơ Đốc nhân cuối cùng chết trước khi sự đóng cửa ân điển diễn ra. Trong giai đoạn thứ nhất, ông tượng trưng cho một trăm bốn mươi bốn nghìn, và trong giai đoạn ba năm rưỡi thứ hai, ông đại diện cho đám đông lớn chết trong giai đoạn thứ hai.

Thông điệp của người đàn ông ấy đã được sử gia ghi lại, và nó được thể hiện bằng sáu tiếng nói. Khi cuối cùng ông bị bỏ tù, thông điệp thứ bảy và sau cùng của ông là “khốn thay, khốn thay” cho Giê-ru-sa-lem và dân cư của nó. “Tiếng” đầu tiên được ghi lại là “tiếng từ phương đông”, và thông điệp cuối cùng của ông là “khốn thay”. Yếu tố đầu tiên trong thông điệp của ông và yếu tố cuối cùng trong thông điệp của ông là biểu tượng Kinh Thánh đại diện cho Hội giáo, vì Hội giáo là con cái của “phương đông” trong Kinh Thánh, và họ được tượng trưng bởi “gió đông”. Việc lặp lại từ

“khốn thay” trong thông điệp cuối cùng của ông phản ánh sự kết thúc của Ba-by-lôn hiện đại, khi các vua trên đất kêu lên ba lần: “Khốn thay, khốn thay, thành lớn kia.” Từ Hy Lạp được dịch là “alas” trong ba câu ở Khải Huyền chương mười tám, lại được dịch là “woe” ở chương tám, câu mười ba.

Tôi nhìn xem, và nghe một thiên sứ bay giữa trời, cất tiếng lớn rằng: Khốn thay, khốn thay, khốn thay cho những cư dân trên đất, vì những tiếng kèn còn lại của ba thiên sứ sắp thổi! Khải Huyền 8:13.

Lời công bố “khốn thay, khốn thay” của người ấy biểu thị sự áp dụng ba lần của ba Tai họa, vì các yếu tố của Tai họa thứ nhất, khi được kết hợp “dòng nối dòng” với các yếu tố của Tai họa thứ hai, sẽ xác định các yếu tố của Tai họa thứ ba, cũng như ba lần các vua trên đất trong chương mười tám thốt lên “than ôi, than ôi” đại diện cho Tai họa thứ ba, như đã được xác lập bởi Tai họa thứ nhất và Tai họa thứ hai. Phần mở đầu và phần kết thúc của thông điệp của người ấy mang tính điển hình cho thông điệp của Hội giáo thuộc Tai họa thứ ba.

Biểu hiện đầu tiên của thông điệp của ông là một tiếng nói từ "phương đông", và "phương đông" là một biểu tượng của Hội giáo, nhưng nó cũng là dấu hiệu nhận diện của thiên sứ đóng ấn xuất hiện ở phương đông.

Sau những điều ấy, tôi thấy bốn thiên sứ đứng ở bốn góc đất, nắm giữ bốn luồng gió của đất, để gió không thổi trên đất, cũng không trên biển, cũng không trên bất cứ cây nào. Tôi lại thấy một thiên sứ khác từ phương đông đi lên, mang ấn của Đức Chúa Trời hằng sống; người kêu lớn tiếng với bốn thiên sứ, là những kẻ đã được trao quyền làm hại đất và biển, rằng: Đừng làm hại đất, cũng đừng làm hại biển, hay cây cối, cho đến khi chúng ta đóng ấn các tội tó của Đức Chúa Trời chúng ta trên trán họ. Tôi nghe số những người được đóng ấn: có một trăm bốn mươi bốn nghìn, thuộc mọi chi phái của con cái Israel. Khải Huyền 7:1-4.

Trong câu chuyện về Elijah trên núi Carmel, khi ông nhìn ra biển và thấy một đám mây, ông nhìn về phía tây, vì núi Carmel nằm gần Biển Địa Trung Hải.

Đến lần thứ bảy, người ấy nói: Kia, có một đám mây nhỏ từ biển dấy lên, như bàn tay một người. Ông nói: Hãy lên, nói với Ahab: Hãy thắng xe và xuồng đi, kéo mưa ngăn cản người. 1 Các Vua 18:44.

Êlia hẳn đã quay mặt về phía tây, hướng về Biển Địa Trung Hải. Trong Luca chương mười hai, Đức Kitô nói rằng sứ điệp của Người là một sứ điệp gây chia rẽ.

Các người tưởng rằng Ta đến để ban bình an trên đất sao? Ta nói với các người: Không đâu; trái lại là sự chia rẽ: Vì từ nay, trong một nhà sẽ có năm người chia rẽ nhau, ba chống lại hai, và hai chống lại ba. Cha chống lại con trai, và con trai chống lại cha; mẹ chống lại con gái, và con gái chống lại mẹ; mẹ chồng chống lại con dâu, và con dâu chống lại mẹ chồng. Người cũng nói với dân chúng: Khi các người thấy một đám mây nổi lên từ phía tây, lập tức các người nói: Sắp có mưa rào; và quả đúng như vậy. Và khi các người thấy gió nam thổi, các người nói: Sẽ nóng bức; và điều ấy xảy ra. Hỡi những kẻ giả hình, các người biết phân biệt diện mạo của trời và đất; nhưng sao các người lại không biết phân biệt thì giờ này? Lu-ca 12:51-56.

Thông điệp của sứ giả gửi Giê-ru-sa-lem mang chữ ký của Alpha và Omega, vì phần khởi đầu và phần kết thúc xác định Hội giáo của con khốn nạn thứ ba, và với tiếng nói của "phương đông" nó đồng thời xác định sứ điệp của Hội giáo là sứ điệp ấn chứng. "Tiếng nói thứ hai" từ "phương tây" xác định mưa muôn, tức là cơn mưa sau rốt, và tất cả các nhà tiên tri đều đang nói về những ngày sau rốt. Sứ điệp của "phương tây" là biểu tượng của sứ điệp mưa muôn, vốn tạo ra hai hạng người thờ phượng. Một hạng không thể nhận ra sứ điệp mưa muôn vì họ "không phân biệt thời điểm này."

Yếu tố kế tiếp trong sứ điệp của sứ giả là tiếng nói của "bốn luồng gió", vừa là sứ điệp ấn chứng vừa là sứ điệp của con ngựa phần nô của Hội giáo, như được tượng trưng bởi Khốn Nạn thứ ba. Yếu tố tiếp theo là lời nghịch lại Giê-ru-sa-lem và đền thờ, qua đó nhận diện sứ điệp của mọi đảng tiên tri, vốn chỉ ra một hạng người đang bị bỏ qua, vì họ đặt nền tảng cho lời xác quyết về sự cứu rỗi của mình không phải nơi Đấng Christ, mà nơi đền thờ và di sản của họ như dân được Đức Chúa Trời chọn. Họ là những người xuyên suốt lịch sử thánh được mô tả như đang rao xướng: "Đền thờ của Chúa, đền thờ của Chúa là chúng ta." Sứ điệp nghịch lại Giê-ru-sa-lem và đền thờ chính là sứ điệp Lao-đi-xê.

"Chẳng có gì lạ khi Hội thánh không được làm cho sống động bởi quyền năng của Đức Thánh Linh. Nam và nữ đang gạt qua một bên những lời chỉ dạy mà Đấng Christ đã ban. Sự giận dữ và lòng tham đang thắng thế. Đền thờ của linh hồn đầy dẫy sự gian ác. Không còn chỗ cho Đấng Christ. Con người theo đường lối lệch lạc của riêng mình. Họ không lưu tâm đến lời của Đấng Cứu Chúa. Họ tự mình nắm lấy mọi sự, khước từ những lời quở trách và cảnh cáo, cho đến khi chân đèn bị dời khỏi chỗ, và sự phân định thuộc linh bị làm rối loạn bởi những ý tưởng của loài người. Dầu thiếu sót trong sự phụng sự, họ tự biện minh, nói rằng: 'Đền thờ của Chúa, đền thờ của Chúa là chúng ta.' Họ gạt luật pháp của Đức Chúa Trời sang một bên để theo ánh sáng do trí tưởng tượng riêng của họ." Review and Herald, ngày 8 tháng 4 năm 1902.

Bấy giờ sứ giả cất lên tiếng cảnh báo của mình nhắm vào các chú rể và các cô dâu, như một biểu tượng cho phương pháp "dòng nổi dòng," vì mạch tiên tri của những ngày sau rốt sẽ giống như mạch tiên tri trong thời Nô-ê, khi người ta cưới gả ngay lúc cơn lũ hủy diệt sắp nhấn chìm những tham vọng và kế hoạch thế gian của họ.

Kinh Thánh tuyên bố rằng trong những ngày cuối cùng, con người sẽ chìm đắm trong những theo đuổi trần thế, trong lạc thú và việc kiếm tiền. Họ sẽ mù lòa trước những thực tại vĩnh cửu. Đấng Christ phán: 'Như các ngày của Nô-ê thế nào, thì sự đến của Con Người cũng sẽ như vậy. Vì như trong những ngày trước nạn hồng thủy, người ta ăn uống, cưới hỏi, gả chồng gả vợ, cho đến ngày Nô-ê vào tàu; họ không hề biết cho đến khi nước lụt đến và cuốn hết thầy đi; thì sự đến của Con Người cũng sẽ như vậy.' Ma-thi-ơ 24:37-39.

Ngày nay cũng vậy. Con người đang lao vào cuộc chạy đua mưu cầu lợi lộc và hưởng thụ ích kỷ như thể không có Đức Chúa Trời, không có thiên đàng, và không có đời sau. Vào thời Nô-ê, lời cảnh báo về trận hồng thủy đã được gửi đến để làm cho người ta kinh sợ trong sự gian ác của mình và kêu gọi họ ăn năn. Cũng vậy, sứ điệp về việc Đấng Christ sắp đến nhằm đánh thức con người khỏi sự đắm chìm trong những điều thuộc về thế gian. Nó nhằm làm họ tỉnh thức về những thực tại đời đời, để họ lưu tâm đến lời mời đến bàn tiệc của Chúa.

Lời mời gọi của Tin Lành phải được công bố cho khắp thế giới — "đến mọi dân tộc, mọi chi tộc, mọi ngôn ngữ và mọi người." Khải Huyền 14:6. Sứ điệp cuối cùng về sự cảnh cáo và thương xót sẽ chiếu sáng cả đất bằng vinh quang của mình. Sứ điệp ấy phải đến với mọi tầng lớp người, giàu và nghèo, địa vị cao hay thấp. "Hãy đi ra các đường sá và hàng rào," Đấng Christ phán, "và nài ép họ vào cho được, để nhà Ta được đầy." Những Bài Học Từ Các Dụ Ngôn Của Đấng Christ, 228.

Ở đoạn trước, yếu tố cuối cùng của lời cảnh báo đã được nhấn mạnh. Thông điệp, được trình bày như tiếng nói chống lại "tất cả mọi người", là tin lành đòi hỏi, nêu rõ sự cần thiết phải đáp ứng các yêu cầu của tin lành để được cứu. Yêu cầu đầu tiên của tin lành đòi hỏi là kính sợ Đức Chúa Trời, và sự kính sợ ấy dựa trên thực tế rằng chính tội lỗi của chúng ta đã đặt Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời hằng sống, lên thập tự giá.

Mọi khía cạnh của người sứ giả đến Giê-ru-sa-lem trong bảy năm thi hành chức vụ của ông đều biểu thị Tin Lành đòi hỏi, chính là cùng một Tin Lành đã được trình bày trong bảy năm khi Đấng Christ xác nhận giao ước với nhiều người, từ năm 27 đến năm 34. Đó cũng là Tin Lành đòi hỏi được rao giảng trong hai giai đoạn cuối của thời kỳ sau rốt, và nó gắn liền với sứ điệp mưa cuối mùa, tức là sứ điệp về Hồi giáo của Khôn nạn thứ ba. Nó xác định việc đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn, sự phân rẽ giữa lúa mì và cỏ lùng, tình trạng Lao-đi-xê của cỏ lùng, và sự áp dụng ba lần của lời tiên tri như một biểu tượng cho phương pháp luận của mưa cuối mùa, đó là "dòng trên dòng".

Sứ điệp về bảy năm trong lịch sử đó được đặt một cách tiên tri trong "những ngày báo thù", vốn là một phần của lần đề cập đầu tiên về sứ điệp và công việc của Đấng Christ; và sứ điệp cùng công việc của Ngài sẽ được lặp lại trong những ngày sau rốt bởi một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Bảy giờ họ sẽ xác định sứ điệp của mình trong bối cảnh tiên tri của "những ngày báo thù của Đức Chúa Trời". Có hai dạng "báo thù" của Đức Chúa Trời theo Kinh Thánh được bày tỏ trong Lời Ngài: sự báo thù trên dân sự Ngài và sự báo thù trên kẻ thù của Ngài.

"Bảy lần" trong Lê-vi Ký chương hai mươi sáu minh họa sự báo thù của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài phản loạn, và sự báo thù ấy bao gồm cả sự giày xéo đền thánh và đạo binh theo nghĩa đen lẫn nghĩa thuộc linh. Trong biểu tượng về sự giày xéo đền thánh và đạo binh cũng hàm chứa biểu tượng về sự báo thù của Đức Chúa Trời đối với các kẻ thù của Ngài. Trong thời kỳ sau rốt, sự báo thù của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài được mô tả như việc mưa ra phong trào Cơ Đốc Phục Lâm kiểu Lao-đi-xê vào thời điểm luật Chủ nhật sắp đến. Tại dấu mốc ấy, sự báo thù của Ngài đối với Ba-by-lôn hiện đại cũng bắt đầu.

Sự phán xét điều tra đối với Phục Lâm La-ô-đi-xê, kể đó là sự phán xét thi hành đối với dân phụ của Ty-rô và con thú mà nàng cuỗ và cai trị, là lịch sử tiên tri của những ngày sau rốt, nơi mọi khái tượng đều được ứng nghiệm. Mọi khái tượng đều phải được áp dụng cho hai thời kỳ tiên tri ấy, vì phương pháp của mưa muộn là áp dụng dòng tiên tri trên dòng tiên tri. Ở phần khởi đầu của hai lịch sử ấy, Đức Chúa Giê-su đã chỉ ra một "dấu hiệu" chứng tỏ rằng những người đang sống vào lúc đó thuộc về thế hệ cuối cùng trong lịch sử trái đất.

Thời kỳ thứ nhất bắt đầu khi việc đóng ấn một trăm bốn mươi bốn nghìn khởi sự vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Trong chính mốc dấu ấy, "dấu hiệu" mà Chúa Kitô nêu trong Lu-ca 21 đã được đặt.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Giờ đây, hỡi anh em, Đức Chúa Trời muốn chúng ta đứng cùng với người cầm đèn lồng; chúng ta muốn đứng vào vị trí nơi có ánh sáng, và nơi Đức Chúa Trời đã cho tiếng kèn vang lên rõ ràng. Chúng ta muốn cho tiếng kèn vang lên rõ ràng. Chúng ta đã rơi vào cảnh bối rối và hoài nghi, và các hội thánh thì sắp chết. Nhưng bây giờ, ở đây chúng ta đọc: "Sau những điều ấy, tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và đất được chiếu rạng bởi vinh quang của người. Người cất tiếng mạnh mẽ mà kêu rằng: Babylon lớn đã đổ, đã đổ, và đã trở thành nơi ở của các quỷ, nơi giam giữ mọi tà linh ô uế, và chuồng của mọi loài chim ô uế và đáng ghét" [Khải Huyền 18:1, 2].

"Vậy thì, làm sao chúng ta biết được điều gì về thông điệp đó nếu chúng ta không thể nhận ra chút nào ánh sáng từ trời khi nó đến với chúng ta? Và chúng ta cũng sẽ dễ dàng chấp nhận sự lừa dối đen tối nhất khi nó đến với chúng ta từ một người đồng quan điểm với chúng ta, trong khi chúng ta không có dù chỉ một mảy may bằng chứng rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã sai họ. Đáng Christ phán: 'Ta đến nhân danh Cha ta, nhưng các ngươi không tiếp nhận ta' [xem Giảng 5:43]. Bây giờ, đó chính là điều đã diễn ra ở đây kể từ cuộc họp tại Minneapolis đến nay. Bởi vì Đức Chúa Trời gửi một thông điệp nhân danh Ngài mà không phù hợp với ý tưởng của các ngươi, nên [các ngươi kết luận] đó không thể là một thông điệp từ Đức Chúa Trời." Bài giảng và Các Bài Nói Chuyện, tập 1, 142.